|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Biểu TTCS-01.1** | **TỔNG HỢP MỘT SỐ KẾT QUẢ**  **HOẠT ĐỘNG TRUYỀN THANH CẤP XÃ**  **TẠI ĐỊA BÀN HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN** | Đơn vị báo cáo:  Phòng VH&TT |
|  | Ban hành kèm theo TT  số ...../2022/TT-BTTTT |  |
|  | Ngày nhận báo cáo: Trước 05/3 năm tiếp theo | **Năm [[Nam]]** | Đơn vị nhận báo cáo: UBND cấp huyện, Sở TT&TT |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đơn vị** | **Mã đơn vị** | **Đơn vị có đài truyền thanh cấp xã** | **CƠ SỞ VẬT CHẤT,**  **PHƯƠNG TIỆN, MỨC PHỔ CẬP** | | | | | **NHÂN LỰC** | | | | | | | | | | | | | **Ghi chú** |
| **Công nghệ phát thanh đài xã có sử dụng (đánh dấu X vào ô phù hợp)** | | | | **Tỷ lệ hộ gia đình nghe được truyền thanh cấp xã (%)** | **Tổng số người làm việc (7= 9+ 10+11)** | **Trong đó nữ** | **Tổng số người làm việc chia ra** | | | **Trình độ, chuyên ngành đào tạo** | | | | | | **Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng trong năm** | |
| **Đài có dây** | **Đài không dây** | **Đài cả có dây và không dây** | **Đài ứng dụng CNTT-VT** | **Kiêm nhiệm** | | **Cán bộ không chuyên trách** | **Đại học trở lên** | | | **Cao đẳng trở xuống** | | |
| **Công chức văn hóa - xã hội** | **Công chức khác** | **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử-Viễn thông, CNTT** | **Ngành khác** | **Báo chí,  tuyên truyền** | **Điện tử - Viễn thông, CNTT** | **Ngành khác** | **Kỹ năng sản xuất chương trình, biên tập tin, bài** | **Ứng dụng  CNTT, sử dụng thiết bị kỹ thuật** |
| **A** | **B** | **C** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔNG HỢP, LẬP BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | **KIỂM TRA BIỂU**  *(Thông tin người thực hiện)* | *..., ngày ... tháng ... năm 20...*  **TRƯỞNG PHÒNG**  *(Ký điện tử)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *a) Cách ghi biểu* | | |
|  | Cột A: Ghi thứ tự các đơn vị hành chính cấp xã, huyện. | |
|  | Cột B: Ghi tên đơn vị hành chính cấp huyện, xã. |  | |
|  | Cột C: Ghi mã số đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. Ghi theo bảng Danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam. | |
|  | *Cách ghi thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã trên biểu:* |  | |
|  | Cột 1: Đánh dấu X nếu đơn vị có tên ở Cột B có Đài truyền thanh cấp xã. Để trống nếu đơn vị có tên tại cột B không có đài truyền thanh cấp xã. | |  | |
|  | Cột 2: Đánh dấu X nếu đài truyền thanh cấp xã tại Cột B là loại sử dụng công nghệ có dây. Để trống nếu không phải.  Các cột 3, 4, 5: Ghi thông tin như cách ghi đã áp dụng đối với Cột 2. | |  | |
|  | Các cột từ Cột 6 đến Cột 20: Ghi thông tin tương ứng với đơn vị có tên tại Cột B. | |  | |
|  | Cách ghi số liệu tổng hợp cho các đơn vị hành chính cấp huyện trên biểu: | |
|  | *Sau khi ghi xong thông tin cho các đơn vị hành chính cấp xã thuộc Huyện, tiến hành ghi số liệu tổng hợp cho Huyện. Cách ghi như sau:* | |
|  | Các Cột 1, 2, 3, 4, 5: Đếm số ô có đánh dấu X thuộc từng cột, ghi số đếm được lên ô tương ứng. | |
|  | Các cột còn lại (trừ Cột 6): Cộng các giá trị thuộc từng cột, ghi số tổng lên ô tương ứng. | |
|  | Cột 6: Ghi thông tin tương ứng là số liệu bình quân gia quyền của các Đài truyền thanh cấp xã thuộc Huyện. Số liệu bình quân gia quyền được tính trên cơ sở số liệu liên quan của đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn Huyện. | |
| *b) Nguồn số liệu* | | |

Biểu tập hợp tương ứng từ Biểu mẫu TTCS-01 do các Đài truyền thanh cấp xã đã báo cáo Phòng VH&TT và từ dữ liệu hành chính của Phòng.